

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung chương trình đào tạo Sư phạm Sinh học, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

Chant My



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Sư phạm Sinh học, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có *Khung chương trình đào tạo kèm theo*).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo Sư phạm Sinh học, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: DT, VT (02).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K59

Tên chương trình: Sư phạm Sinh học

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Sinh học

Mã ngành: 7140213

(Ban hành theo Quyết định số: 2258/QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		26								
1	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3	32	10	6	10			59SPH131	1
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	6	6	6			59SPE121	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SSO121	3
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59HCM121	4
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HPV121	5
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6			59GEL121	4
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131	2
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132	3
10	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				1
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					1
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	4		36				59PHE111	2
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	4		36				59PHE112	3
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng	05 tuần tập trung								
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		65								
2.1	Kiến thức cơ sở		13								
Các học phần bắt buộc			10								
15	59BIO241	Hoá sinh học	4	44		28	4				3
16	59BDA231	Tin sinh học và phân tích dữ liệu	3	28		28	6				6
17	59EFB331	Tiếng Anh chuyên ngành Sinh học	3	28		28	6				4
Các học phần tự chọn			3								
18	59BIP231	Lý sinh học	3	36		12	6				1

ngũ *Uant*

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
19	59ECC231	Môi trường và biến đổi khí hậu	3	34	6		16				1
2.2	Kiến thức ngành		52								
Các học phần bắt buộc			32								
20	59MOB331	Sinh học phân tử	3	32		20	6			59BIO241	4
21	59CYT331	Sinh học tế bào	3	32		24	2				1
22	59MIC331	Vi sinh vật học	3	28		28	6			59BIO241	4
23	59PLP341	Sinh lí học thực vật	4	42		30	6				5
24	59ANP341	Sinh lí học động vật	4	42		30	6				3
25	59GEN341	Di truyền học	4	48	12	12				59CYT331 59BIO241 59MIC331	5
26	59EVO331	Tiến hóa	3	35	12		8				6
27	59ECC331	Sinh thái học	3	34	16		6				6
28	59FPR321	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên	2		10	50					2
29	59BOB331	Cơ sở Công nghệ sinh học	3	36	6		12			59BIO241 59CYT331 59MIC331	5
Các học phần tự chọn			20								
30	59BOT341	Thực vật học	4	40		32	8				2
31	59ZOO341	Động vật học	4	40		30	10				2
32	59MOE331	Sinh vật và Sinh thái biển Việt Nam	3	36	6		12				7
33	59PHY341	Giải phẫu và sinh lí học người	4	36	2	40	6				3
34	59ETA331	Công nghệ enzyme và ứng dụng	3	30		20	10				7
35	59EPM331	Vi sinh vật trong xử lí ô nhiễm môi trường	3	30		20	10				7
36	59IAI331	Bệnh truyền nhiễm và miễn dịch	3	35			20				7
37	59BSD331	Đa dạng sinh học và phát triển bền vững	3	34	16		6				7
38	59PMN331	Dinh dưỡng khoáng - tăng năng suất cây trồng và nông nghiệp sạch	3	30	4	20	6				7
39	59HUE331	Sinh thái nhân văn	3	34	4		18				7

ngư *Uant*

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
40	59NFS331	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	3	30	10		20				7
41	59BIC331	Kiểm soát và an toàn sinh học	3	34	4		18				7
III	Kiến thức nghiệp vụ		33								
Các học phần bắt buộc			27								
42	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				1
43	59PEP431	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59EPS431	2
44	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59EPS431; 59PEP431	4
45	59MTD431	Phương pháp nghiên cứu khoa học Sinh học	3	28		28	6				3
46	59MTB451	Phương pháp dạy học Sinh học ở trường phổ thông	5	59	7		10	15		59EPS431 59PEP431 59CYT331 59PLP341 59ANP341 59GEN341	6
47	59PPB421	Thực hành sư phạm Sinh học 1	2			60					6
48	59PPB432	Thực hành sư phạm Sinh học 2	3			90					7
49	59TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở trường phổ thông						59PEP431	5
50	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở trường phổ thông					59TRA421		8
Các học phần tự chọn			6								
51	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10				5
52	59OEA431	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Sinh học	3	30		30				59EPS431 59PEP431	5
53	59ITB431	Tích hợp trong dạy học Sinh học	3	35	10		10				6
54	59MTB431	Phương tiện dạy học Sinh học	3	30		30					6
IV	Khóa luận tốt nghiệp		6								
55	59GTB904	Khoá luận tốt nghiệp	6								8

ngô Văn

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			6								
56	59DEB931	Sinh học phát triển	3	35			20				8
57	59BAC931	Sinh học ứng dụng trong nông nghiệp	3	30			10	20			8
58	59GPB931	Cơ sở di truyền chọn giống	3	36	10		8			59GEN341 59ANP341 59PLP341 59MOB331	8
59	59ABE921	Thực hành Sinh học nâng cao	2			60					8
60	59ADV921	Thực hành Công nghệ Sinh học nâng cao	2			60				59BIO241, 59MIC331, 59CTE331	8
61	59TSB931	Dạy học giải quyết vấn đề trong dạy học Sinh học	3	35	10		10				8
62	59TTB921	Thực hành Kỹ thuật dạy học Sinh học	2			60					8
Tổng cộng			130								

Ghi chú: Tổng số **130** tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Chánh Nguyễn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
YÊN BÍ